FireAnt

CTCP Thương mại Hà Tây (UPCOM: HTT)

Thông tin giao dịch	31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	1,700
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	1,900
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	1,300
SL cổ phiếu LH	20,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	4,855
% sở hữu nước ngoài	0.7%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	34
P/E	-4.9
EPS	-347

	YTD	1T	3T	6T
HTT	13.3%	0.0%	0.0%	30.8%
VNINDEX	2.9%	-0.4%	2.7%	1.1%

Cơ cấu Tổng tài sản

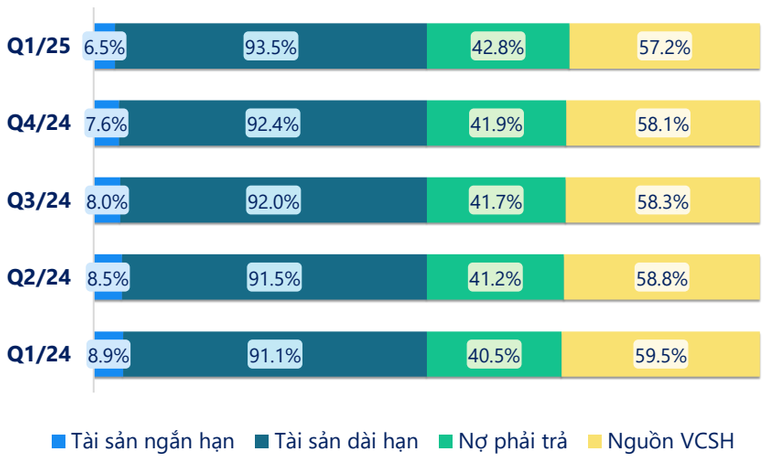

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

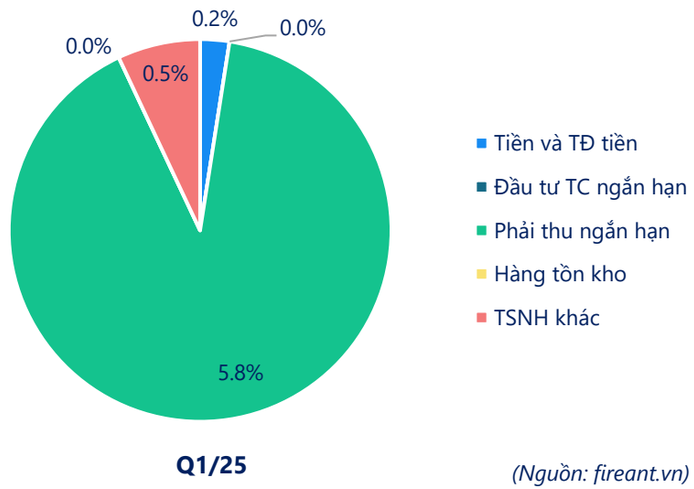

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu

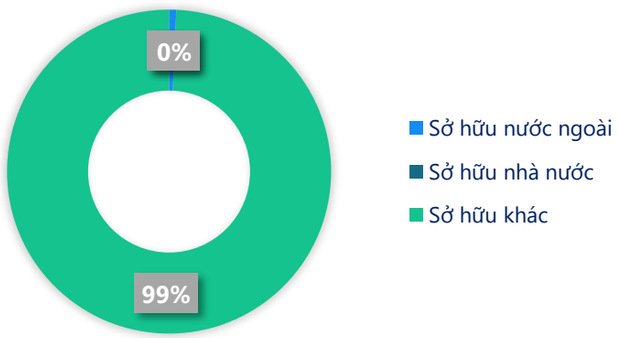

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông

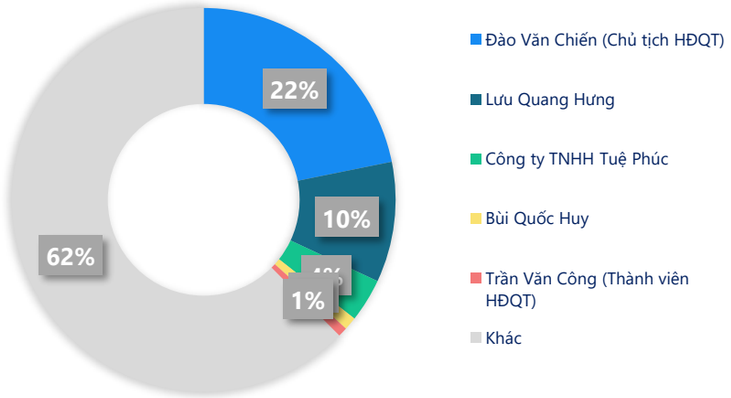

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

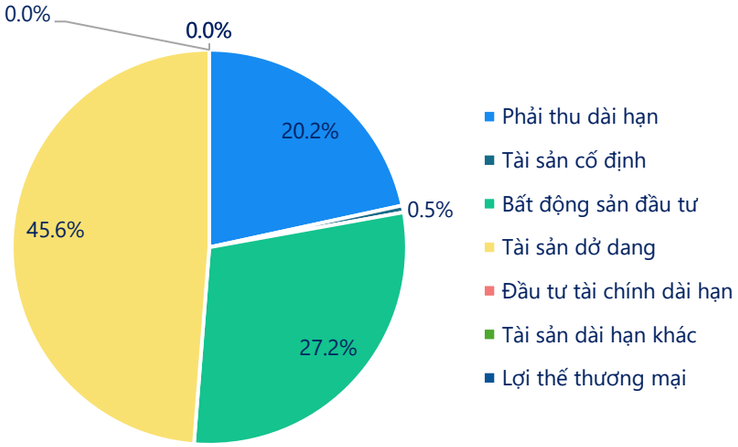

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Thương mại Hà Tây (UPCOM: HTT)

Tiền và tương đương tiền

(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn

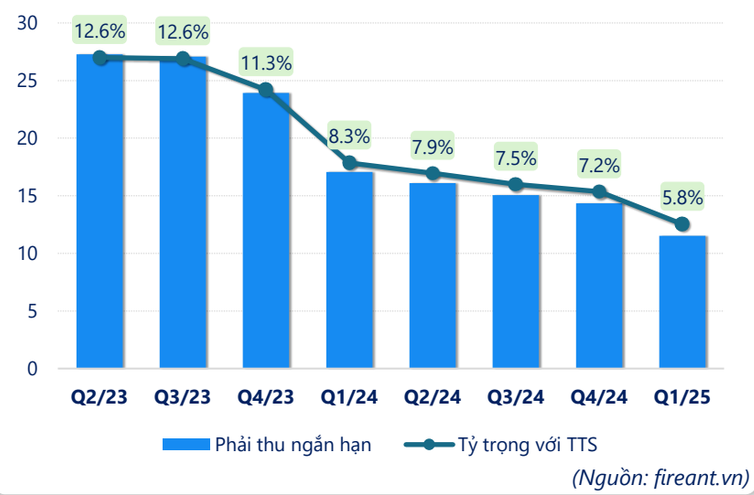

(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho

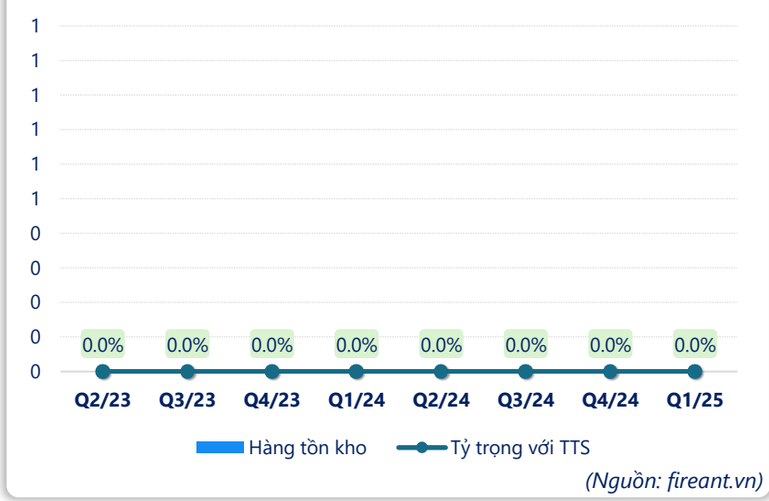

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

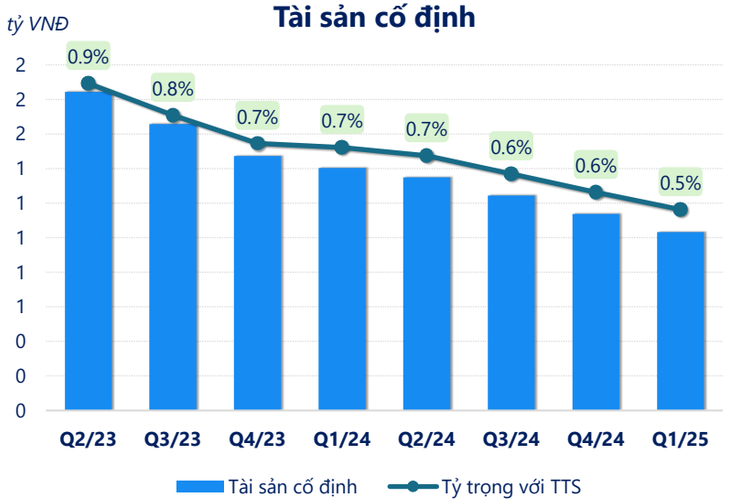

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

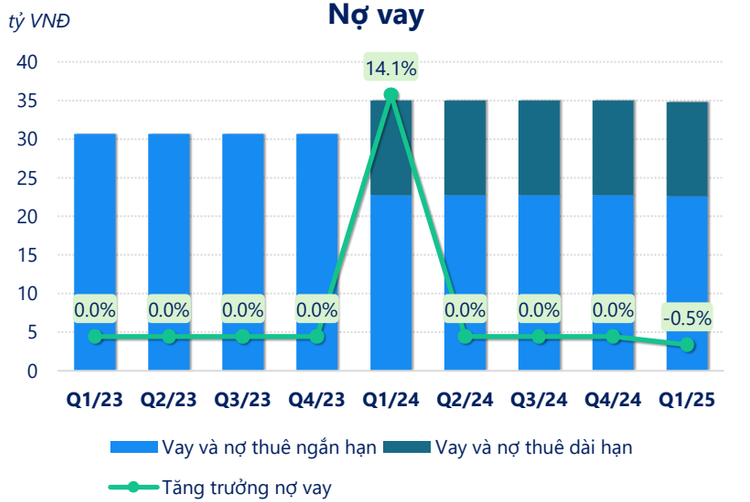

(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

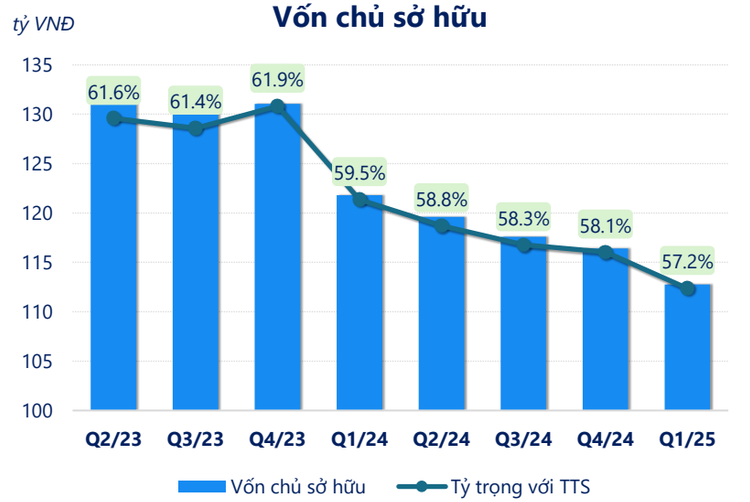

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Thương mại Hà Tây (UPCOM: HTT)

Kết quả kinh doanh

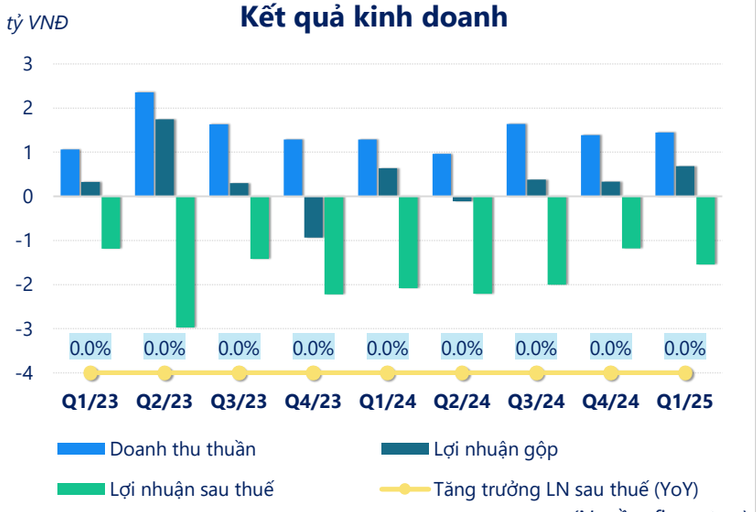

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận

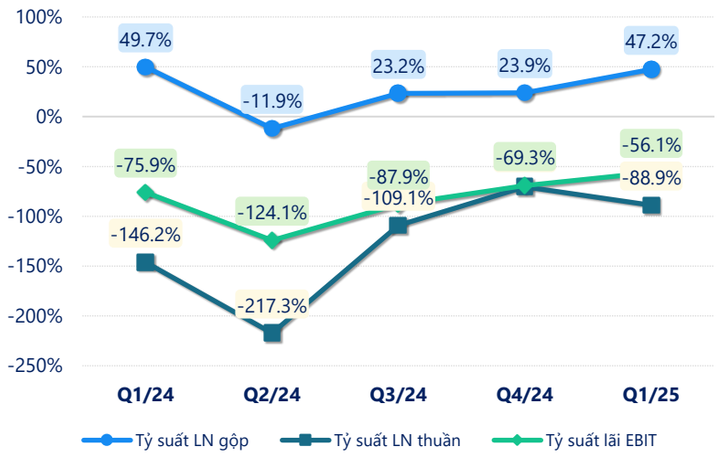

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi

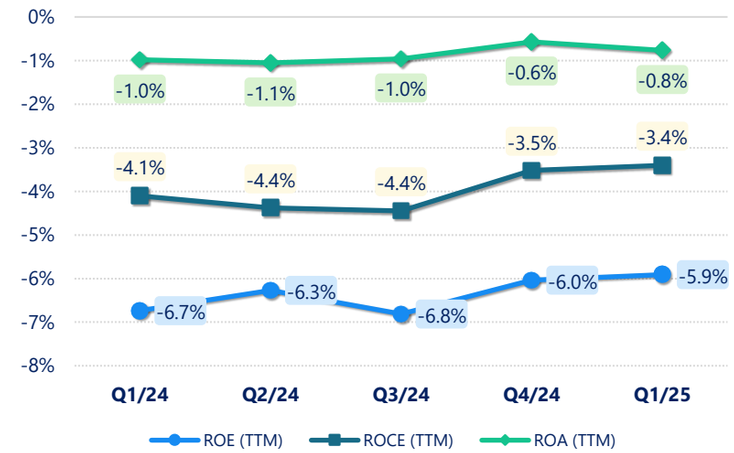

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

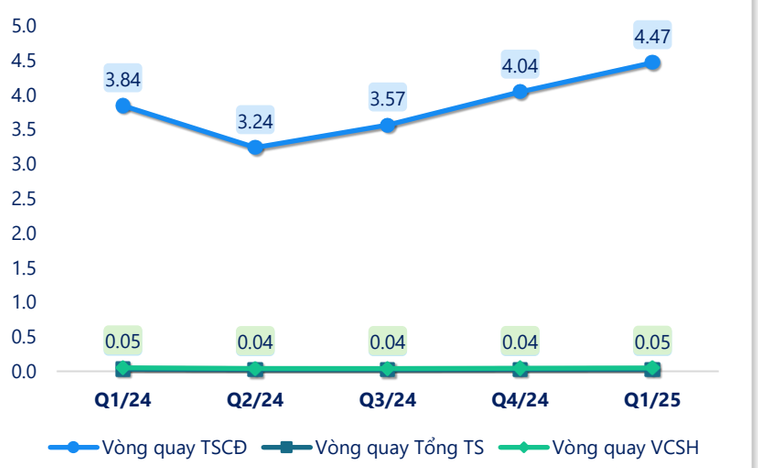

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

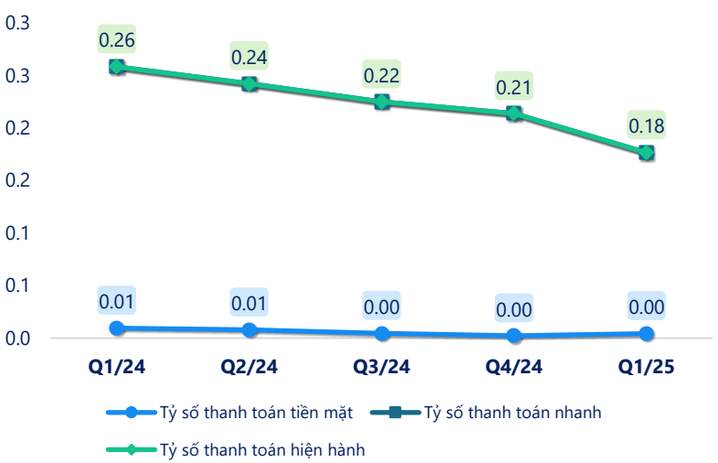

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền

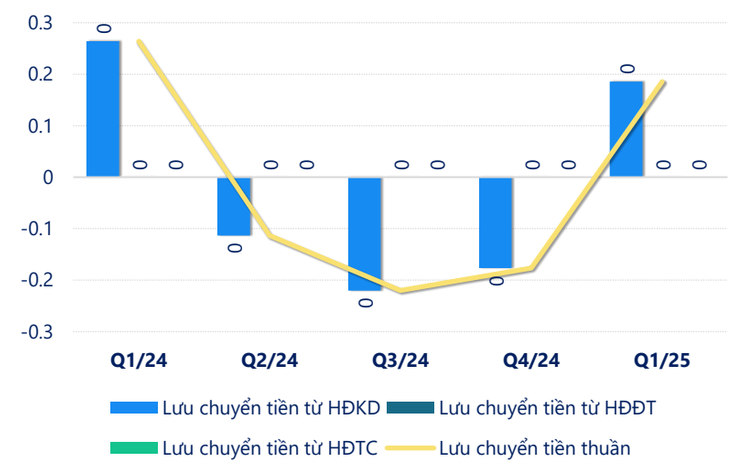

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Thương mại Hà Tây (UPCOM: HTT)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**197**	**198**	**-0.4%**
Tài sản ngắn hạn	12.7	12.9	-1.3%
Tiền và tương đương tiền	0.31	0.13	144%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	11.5	12.2	-5.6%
Hàng tồn kho	0	0	
Tài sản ngắn hạn khác	0.89	0.56	59.0%
Tài sản dài hạn	**184**	**185**	**-0.3%**
Phải thu dài hạn	39.8	39.8	0.0%
Tài sản cố định	1.03	1.14	-9.3%
Bất động sản đầu tư	53.6	54.1	-0.8%
Tài sản dở dang	89.9	89.9	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**0.00**	**0.00**	**-87.4%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	84.4	83.6	1.0%
Nợ ngắn hạn	**72.2**	**71.4**	**1.2%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	22.6	22.6	0.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	1.33	1.40	-5.1%
Nợ dài hạn	12.2	12.2	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	12.2	12.2	0.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**113**	**114**	**-1.3%**
Vốn chủ sở hữu	**113**	**114**	**-1.3%**
Vốn điều lệ	200	200	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Doanh thu thuần	1.28	0.96	1.64	1.39	1.45
Giá vốn hàng bán	0.65	1.08	1.26	1.06	0.76
Lợi nhuận gộp	0.64	-0.11	0.38	0.33	0.68
Doanh thu HĐTC	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Chi phí TC	1.10	1.02	0.56	0.22	0.73
Chi phí lãi vay	1.10	1.02	0.56	0.22	0.73
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	1.41	0.96	1.61	1.09	1.24
LN thuần từ HĐKD	-1.88	-2.09	-1.79	-0.98	-1.29
Lợi nhuận khác	-0.20	-0.12	-0.21	-0.20	-0.26
LN trước thuế	-2.08	-2.21	-2.00	-1.18	-1.54
Lợi nhuận sau thuế	-2.08	-2.21	-2.00	-1.18	-1.54
LNST của CĐ cty mẹ	-2.08	-2.21	-2.00	-1.18	-1.54

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	0.26	-0.11	-0.22	-0.18	0.19
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	0	0
Tiền đầu kỳ	0.40	0.67	0.55	0.33	0.13
Lưu chuyển tiền thuần	**0.26**	**-0.11**	**-0.22**	**-0.18**	**0.19**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	0.67	0.55	0.33	0.16	0.31

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic